

Kinh đô Huế và các lễ hội cung đình mùa xuân

TS. PHAN THANH HẢI *

Đối với người Việt, mùa xuân là mùa của các lễ tiết, hội hè; khởi đầu bằng các hoạt động đón tết Nguyên đán (đón năm mới tính theo Âm lịch/Nông lịch), sau đó là các lễ hội kéo dài đến hết tháng 3 đầu tháng 4 Âm lịch. Về các hoạt động lễ hội thì trong chốn cung đình có những đặc trưng riêng do các lễ tiết chính đều được quy định chặt chẽ, được nâng lên thành điển lệ. Chính vì vậy, phần lễ thức bao giờ cũng chiếm phần chính, phần vui của hội hè đôi khi khá mờ nhạt.

I. Các lễ hội trong dịp tết Nguyên đán

Thời Nguyễn, các hoạt động lễ tiết trước và sau tết Nguyên đán luôn được tổ chức rất trang trọng và chu đáo. Nhìn chung, lễ tiết của triều Nguyễn gồm 2 phần, trước và sau tết.

1.1. Các nghi lễ trước tết

1. Lễ Ban sóc

Tức lễ ban lịch năm mới. Lễ này được tổ chức vào ngày mùng 1 tháng 12 Âm lịch. Đầu thời Nguyễn tổ chức tại điện Thái Hòa, từ năm 1840 trở về sau thì tổ chức tại Ngọ Môn. Ngày này, Khâm Thiên Giám đặt triều nghi và dâng lịch của năm sau đã được soạn xong. Sau đó, Nội Các Tuyên chỉ của nhà vua ban lịch cho

bách quan và các địa phương. Các quan làm lễ tạ ơn rồi về nhận lịch tại viện Đãi Lậu (ở phía trước, hai bên điện Thái Hòa); các địa phương thì đến nhận lịch tại hành cung của tỉnh.

2. Lễ Tiến xuân- Nghênh xuân

Đây là nghi lễ quan trọng, được tổ chức vào tiết Lập xuân, nhưng từ năm 1829, nó mới được tiến hành một cách bài bản theo nghi lễ.

Theo sách *Hội điển*, lễ Tiến xuân được chuẩn bị như sau: Hàng năm, sau ngày Đông chí, gập ngày Thìn, hai cơ quan là Khâm Thiên Giám và Võ khố sẽ lấy nước và đất ở phương thần Tuế đất, làm ra 3 con trâu đất và 3 vị Mang thần, dùng cây dâu làm thai cốt tượng; coi xem can chi năm ấy cùng hướng đuôi của sao Đẩu vào ngày Lập xuân để tính màu sắc của Mang thần, trâu đất...

Trước 2 ngày của tiết Lập xuân, phủ Thừa Thiên sẽ đặt đàn tế ở bên ngoài tường thành cửa Chánh Đông, đàn hướng về phía Đông. Binh dịch thuộc phủ được cử đến ty Võ khố nhận lĩnh các án để trâu đất và Mang thần khiêng về phủ thự chuẩn bị. Sáng sớm trước lễ Tiến xuân 1 ngày, họ sẽ đặt bày kỷ, án, hương, nến lễ phẩm ở đàn tế. Các quan Đề đốc, Phủ doãn, Phủ thừa đốc suất thuộc viên đều mặc áo có bổ tử rước các án trâu đất, Mang thần,

nghi trọng, tàn, lọng cùng nhã nhạc đi trước, đến đàn tế làm lễ Nghênh xuân (dùng một tuần hiến lễ, không có chúc văn). Khi làm lễ xong, rước 2 cái án Mang thần và trâu đất tới nhà bộ Lễ để yên đấy. Còn 1 án nữa đưa về phủ thự phủ Thừa Thiên.

Sáng sớm ngày Lập xuân, quan chức bộ Lễ cùng phủ Thừa Thiên và Khâm Thiên Giám đều mặc triều phục rước 2 án trâu đất và Mang thần, đều đủ nghi trọng, tàn, lọng cùng nhã nhạc, đi vào Hoàng thành qua cửa Tả Đoan Môn¹ rồi chia ra đến cửa Thiên Thọ và ngoài cửa Hưng Khánh đứng đợi. Đến giờ, Nội Giám tiếp nhận đưa tiến lên nhà vua rồi đem ra. Xong việc, các quan đều lui ra. Quan phủ Thừa Thiên về phủ thự đưa trâu đất ra đánh 3 roi để tỏ ý khuyến việc cày cấy, khuyến khích nông nghiệp. Từ đó về sau, hàng năm làm lễ Tiến xuân xong, cứ bưng trâu đất và Mang thần lần trước ra giao Võ khố nhận lưu trữ.

Theo Phan Khoang, người ta làm thân trâu cao 4 thước để tượng trưng 4 mùa; cái cốt từ đầu đến đuôi dài 8 thước để tượng trưng 8 tiết, đuôi dài 1 thước 2 tấc để tượng trưng cho 12 tháng. Mang thần cao 3 thước, 6 tấc, 5 phân để tượng trưng cho 365 ngày; cái roi làm bằng cành liễu, dài 2 thước 4 tấc để tượng trưng cho 24 khí².

3. Lễ Phát thức

Vào hạ tuần tháng Chạp (thường là vào ngày 20/12) triều đình tổ chức lễ "Phát thức (tức là lễ quét dọn). Vào ngày này, các quan văn võ hàm nhất nhị phẩm trở lên cùng các nhân viên của Nội Các, Cơ Mật Viện đều mặc thường triều đến chầu tại điện Cần Chánh. Tại đây có 6 chiếc tủ gỗ tinh xảo chứa các ấn vàng, ấn ngọc của vương triều. Sau khi nhà vua ngự ra, các tủ chứa ấn đều mở cửa. Người ta rửa bằng nước sông Hương múc ở ngã ba sông và chứa trong một cái bình đầy hoa thơm, sau đó lau bằng khăn màu đỏ. Rửa xong các quan cho ấn vào tủ và khóa lại, bên ngoài niêm hai chữ "Hoàng phong". Sau lễ này, vua và các quan nghỉ việc không dùng ấn nữa, cho đến đầu năm mới, sau khi làm lễ "khai ấn", các công việc mới được tiếp tục trở lại.

4. Lễ Cấp hưởng

Là lễ tế cuối năm tại các miếu. Ban đầu cử

hành vào ngày 30 tháng Chạp, từ năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) thì lấy ngày 22 tháng Chạp làm ngày tế hưởng. Lễ "Cấp hưởng" tức là làm lễ mời các vị tiên đế về ăn tết. Vua ngự ra Thái Miếu hoặc Thế Miếu làm chủ lễ. Triều Nguyễn quy định, những năm Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Hợi thì nhà vua thân đến Thái Miếu; những năm Tý, Dần, Ngọ, Thân, Tuất thì nhà vua thân đến Thế Miếu làm chủ lễ.

Trong lễ tế này, ngoài các phẩm vật, đồ xiêm mào giấy, vàng mã, trên mỗi bàn thờ còn có một cây lụ trắng gọi là chế bạch.

Cũng từ ngày này, vua sai các thân công, hoàng tử hoặc các quan đại thần thay mặt mình đi tế cúng ở các lăng tẩm, đền miếu, chùa quán ở kinh đô.

5. Lễ Thường tiêu

Ngày 30 tháng chạp làm lễ "Thường tiêu" (tức là lễ dựng cây nêu). Vua ngự ra điện Thái Hòa dựng nêu trước rồi sau đó thiên hạ mới dựng tại nhà mình. Thời Nguyễn, cây nêu được làm bằng cây tre để nguyên một chùm lá ở phần ngọn. Nhà vua chỉ huy việc dựng nêu ở điện Thái Hòa, còn thân công, hoàng tử, đại thần lo việc dựng nêu ở các miếu điện, đền thờ tại kinh đô.

1.2. Các nghi lễ trong và sau Tết

1. Lễ mừng nhà vua và các thành viên chính của hoàng gia

Đây là nghi lễ quan trọng nhất trong dịp Tết ở chốn cung đình. Đối với nhà vua thì không gian tổ chức nghi lễ chủ yếu diễn ra ở khu vực từ điện Cần Chánh đến Ngọ Môn, tức khu nghi lễ trong hoàng cung Huế. Đối với Hoàng thái hậu, Hoàng quý phi, Hoàng tử thì không gian tổ chức chủ yếu là nơi họ sinh sống. Trong lễ mừng đầu xuân này, từ các nghi thức từ lễ bộ nghi trọng, cờ quạt, âm nhạc, triều phục đến trình tự tổ chức đều được chuẩn bị rất công phu.

- Lễ mừng nhà vua được tổ chức như một lễ đại triều, có sự tham dự của bách quan văn võ trong triều và bộ lão đại diện của địa phương. Lễ được tổ chức vào sáng ngày mừng 1. Theo quy định, tất cả thân công và văn võ bách quan tham dự đều mặc lễ phục, tay cầm hốt. Thân công đứng hai hàng bên trong điện Thái Hòa, quan văn võ từ tam phẩm trở lên đứng hai hàng trên tầng sân rồng thứ nhất theo phẩm (tả văn,

hữu võ); từ tứ phẩm đến cửu phẩm đứng hai hàng ở tầng sân thứ hai; tầng sân dưới dành cho kỳ lão ở địa phương, ngoài nữa, trên cầu Trung Đạo ra đến hồ ngoại Kim Thủy là binh lính, voi ngựa. Nhã nhạc tấu trong lễ đều là các bài có chữ Bình (Lý bình, Túc bình, Khánh bình, Di bình và Hòa bình). Nội dung chủ yếu của lễ là phần đọc biểu mừng nhà vua của bách quan và các địa phương. Sau lễ vua đều có ban yến cho những người tham dự (Thân phiến, hoàng thân, quan văn ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm trở lên và các chức tước trong họ thì ngày mồng 1 ăn yến ở điện Cần Chánh và hành lang 2 bên; quan văn lục phẩm, quan võ ngũ phẩm và ủy viên các tỉnh thì ngày mồng 2 ăn yến ở 2 viện Đãi Lộ (phía trước 2 bên điện Thái Hòa).

- Nghi lễ mừng Thái hậu của triều Nguyễn trong ngày Tết được thực hiện rất trang trọng, do các vua Nguyễn đều đề cao chữ hiếu. Không gian tổ chức chủ yếu diễn ra tại cung Trường Thọ (nay là Diên Thọ cung), nằm ở phía Tây của Hoàng thành. Tham dự lễ, ngoài nhà vua, bách quan văn võ còn có gia đình bên ngoại của Thái hậu.

- Lễ mừng Hoàng thái phi diễn ra tại điện Khôn Đức thuộc cung Khôn Đức (sau đổi thành Khôn Thái cung). Từ năm Gia Long thứ 2 (1803), triều Nguyễn đã quy định, hàng năm gặp tết mừng vương hậu trong dịp Nguyên đán, bách quan văn võ trong ngoài kinh và các tỉnh và các trang ở huyện Tống Sơn, họ Lê, họ Trịnh đều dâng lễ trâu cau, đến ngày tết thì dâng đủ bản kê đồ lễ, tờ mừng để làm lễ khánh hạ.

- Lễ mừng Hoàng thái tử diễn ra ở Thanh Cung (điện Thanh Hòa). Năm Gia Long thứ 7 (1808), triều Nguyễn có lệ định, vào lễ mừng tết Nguyên đán Hoàng thái tử, phủ Tôn Nhân, cung tần, ban văn võ các thành, doanh, trấn kính dâng lễ trâu cau. Đến ngày Tết đều phải dâng đủ tờ mừng, bản kê lễ vật để làm lễ khánh hạ.

Sau các lễ mừng của ngày mồng Một, ngày mồng 2, nhà vua cùng thân công vào bái lạy tại điện Phụng Tiên (miếu riêng của hoàng gia, nơi thờ tất cả các vua Nguyễn đời trước); ngày mồng 3 thì vua và bách quan đều đi thăm thầy dạy, sư trưởng của mình; ngày mồng 5 đi du xuân, thăm viếng lăng tẩm, chùa đền bên ngoài

Kinh thành; ngày mồng 7 làm lễ Khai hạ (bỏ nêu), ngày này các viên quan giữ ấn tín làm lễ Khai ấn, mở các hòm ấn tượng trưng năm làm việc mới bắt đầu.

2. Lễ tế hưởng ở các miếu

Trong hệ thống tế lễ chia 3 bậc của triều Nguyễn (Đại tự, Trung tự và Quần tự), lễ Tế hưởng ở các miếu trong Hoàng thành được xếp ở bậc cao nhất. Mỗi năm tế hưởng tại các miếu có 5 lần thì 2 lần cấp tế (tế cuối năm) và tế đầu năm là quan trọng hơn cả. Lễ tế đầu năm được tổ chức vào ngày 8 tháng Giêng. Nhà vua thường đích thân chủ lễ tế ở Thái Miếu hoặc Thế Miếu; các miếu còn lại thì cử thân công phụng mệnh đứng thay. Triều Nguyễn quy định các nghi thức tế hưởng ở các miếu rất trang trọng. Trình tự buổi lễ được quy định rất chi tiết trong *Hội điển*.

Khi làm lễ tế hưởng đều dùng nhạc 9 khúc tấu, múa dùng "Bát dật" (lễ hưởng ở Thái Miếu, Thế Miếu đều dùng nhạc múa).

Trước lễ tế hưởng đầu năm, trong 3 ngày Tết tại các miếu chính trong Hoàng thành đều có duy trì hoạt động dâng hương. Tại đây, đèn nến thấp sáng, hương khói suốt cả ngày lẫn đêm. Lễ vật cúng tế cũng được quy định rất cụ thể.

Triều Nguyễn còn quy định, trong 3 ngày Tết, ở Thái Miếu và Thế Miếu thì thắp 6 cây đèn đỏ hạng lớn rất sáng, còn ở Triệu Miếu và Hưng Miếu thì dùng 3 cây đèn đỏ lớn loại như trên. Trong khi làm lễ còn có lệ đốt pháo. Ở gian giữa của Thái Miếu và Thế Miếu còn đặt mỗi gian 2 con thú hình kỳ lân bằng đồng để khi gặp các lễ tiết, cúng tế thì đốt các thứ hương trầm đàn trong đó để tỏ ý kính trọng.

3. Lễ tế cờ

Theo sách *Hội điển*, năm 1829, vua Minh Mạng chuẩn y lời nghị để từ đó trở đi hàng năm vào tháng 11, Khâm Thiên Giám chọn ngày tốt để sang năm thì tổ chức lễ tế cờ, tức tổ chức lễ xuất quân đầu năm.

Ngày 7 tháng Giêng, bộ Lễ xin chỉ vua chọn một viên đại thần hàm nhất phẩm về võ ban, sung chức chánh hiến (chủ lễ), 2 viên quan nhị phẩm sung chức phân hiến, vâng mệnh làm lễ. Được chỉ rồi thì quan Khâm mệnh phải trai giới. Ngày 11 lúc buổi sáng bày nghi vệ thường triều

ở sân điện Cần Chánh. Các quan Khâm mệnh mặc mũ áo đại triều làm lễ bái mệnh trước lễ tế cờ một ngày, các phần việc đặt tế ở ngoài đồng bên phía Nam Kinh thành. Án chính giữa đặt 1 bài vị đề là: "Kỳ độc thần". Án bên tả đặt 3 bài vị là: "Kỳ đầu đại tướng", "Luc độc đại tướng", "Ngũ phương kỳ". Án bên hữu đặt 4 bài vị là: "Chủ tế chiến thuyền chính thần", "Kim cổ giao súng pháo", "Cung nỏ phi thương phi thạch chi thần", "Trận tiền trận hậu thần kỳ". Các bài vị đều quay về hướng Nam. Lễ vật tế có tam sinh (trâu, dê, lợn). Bộ Binh phái 300 lính cầm súng, voi châu 10 thớt, đại bác 3 cỗ, đều bày ở đàn sở. Đến buổi sáng hôm ấy, các quan Khâm mạng mặc triều phục vào tế dâng 3 tuần rượu. Tế xong bắn 3 tiếng súng to.

Người ta cho rằng, tiếng súng thần công bắn vào dịp tế thần Đạo kỳ có nghĩa đuổi tà ma ác quỷ. Cho nên những nhà gần kinh thành mọi người đều sẵn sàng chuẩn bị trống mõ, thùng sắt, roi dâu để khi nghe tiếng súng nổ là mọi nhà đều đánh trống, đánh mõ vang lừng, lấy roi dâu vạt tả, vạt hữu, đập mạnh vào cửa, vào sân nhà, phản ngựa để gây thêm cảnh huyền ảo nhằm xua đuổi tà ma.

4. Du xuân

Việc du xuân đầu năm mới vốn là truyền thống của người Việt. Thường thì các vua Nguyễn bắt đầu du xuân từ ngày 5/1 Âm lịch. Tuy nhiên, việc này không ghi thành điển lễ. Chỉ từ triều Đồng Khánh về sau, các vua nhà Nguyễn mới có lệ "du xuân" ngay trong ngày mồng Một tết.

Triều vua Đồng Khánh, sau lễ Khánh hạ ở điện Thái Hòa và điện Cần Chánh, đứng vào giờ tốt trong ngày (đã được Khâm Thiên Giám xem quẻ chọn giờ trước), nhà vua lên kiệu cho quân lính cáng đi. Các quan văn, võ cùng một số lính tráng mang gươm giáo, cờ quạt theo sau hộ giá. Cứ vậy, vua được cáng đi một vòng quanh kinh thành và một vài nơi vua thích để vừa du xuân lại vừa xem dân tình ăn tết ra sao.

II. Các lễ tiết mùa xuân khác

Mùa xuân chính là mùa của những lễ hội quan trọng nhất. Từ ra tết cho đến hết tháng 3 Âm lịch, các lễ hội được triều đình tổ chức liên tục, trong đó quan trọng nhất là các lễ tế tự trời, đất và các vị thần linh. Dưới đây là những lễ

chính:

1- Lễ tế Nam Giao

Là lễ tế quan trọng nhất, đứng đầu trong bậc Đại tự. Không gian tổ chức lễ tế diễn ra từ Hoàng cung đến tận đàn Nam Giao ở ngoại ô phía Nam Kinh thành và kéo dài trong suốt mấy ngày liền. Tế Nam Giao dưới thời Nguyễn là hình thức hợp tế (tế tự chung cả Trời- Đất và các vị thần linh) và thường được tổ chức vào tháng trọng xuân hàng năm (tháng 2 Âm lịch, nhưng từ năm 1839- 1848 lại tế vào tháng quý xuân- tháng 3 Âm lịch). Từ thời Thành Thái trở đi, lễ tế Nam Giao được quy định 3 năm tổ chức một lần do quá tốn kém. Lực lượng tham gia lễ tế Nam Giao thường gồm hàng ngàn người cộng với sự tham gia đông đảo của nhân dân các làng xã dọc theo tuyến đường từ Kinh thành lên đàn tế.

2- Lễ tế Xã Tắc

Cùng với lễ tế Nam Giao, tế Xã Tắc là một trong những tế lễ lớn và có tầm quan trọng trong việc cai trị nước của nền quân chủ phong kiến. Đây là nghi lễ vừa mang ý nghĩa tôn giáo- tín ngưỡng vừa mang màu sắc chính trị. Việc cho lập đàn Xã Tắc và tế Xã Tắc ở kinh đô và hầu khắp các địa phương trong nước là để đáp ứng nhu cầu quan trọng, một nhu cầu về mặt tinh thần không thể thiếu của toàn dân thời bấy giờ.

Lễ tế Xã Tắc được tổ chức mỗi năm hai lần vào mùa xuân và mùa thu (thực ra, trừ lễ tế Nam Giao, còn từ lễ tế Xã Tắc đến các lễ tế ở bậc Trung tự và Quần tự đều được tổ chức 2 lần vào tháng 2 và tháng 8 Âm lịch). Khi tổ chức tế, có khi nhà vua đích thân làm chủ tế, cũng có khi cử quan khâm mạng đại thần thay thế.

3. Lễ cày ruộng Tịch Điền

Đây là lễ cày ruộng đầu năm mới của nhà vua, được tổ chức tại ruộng Tịch Điền tại Kinh đô (phía Bắc bên trong Kinh thành, gần đàn Tiên Nông). Lễ cày ruộng được tổ chức cũng vào tháng 2 Âm lịch. Nhà vua cùng các quan đến khu ruộng Tịch Điền. Trước đó, từ sáng sớm, quan Phủ doãn phủ Thừa Thiên phải đến tế tại đàn Tiên Nông. Sau khi nhà vua đích thân cày 6 luống đầu tiên, ngài sẽ ra ngự tại điện Quan Canh (trong vườn Thường Mậu) để xem các quan cày ruộng. Lần lượt các quan theo thứ

bạc sẽ cày các luống tiếp theo. Đây là nghi lễ đầu năm của triều đình nhằm khuyến khích toàn thể nhân dân chăm lo việc nông tang. Có thể nói, đây là một lễ hội cung đình rất giàu chất nhân văn, xuất phát từ các yêu cầu thực tế của một đất nước nông nghiệp như nước ta.

Đáng tiếc là đến nay, khu ruộng Tịch Điền, vườn Thường Mậu và đàn Tiên Nông đều không còn!

Ngoài các lễ hội quan trọng trên còn có rất nhiều các lễ tế khác được tổ chức vào mùa xuân, bao gồm cả bậc Trung tự và Quần tự. Thực ra, lễ tế tự ở các đền miếu trên đều được tổ chức mỗi năm 2 lần vào mùa xuân và mùa thu. Lễ tế mùa xuân đều được tổ chức vào tháng trọng xuân sau ngày tế ở đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc. Việc tổ chức tế tự đều do triều đình thực hiện; quan chủ tế tùy theo tính chất, có thể là quan văn hoặc quan võ.

Theo quy định của triều Nguyễn, bậc Trung tự gồm các lễ tế ở miếu Lịch Đại Đế Vương, tế Văn Miếu, đàn Tiên Nông, miếu Phong Bá (thần Gió), miếu Vũ Sư (thần Mưa), miếu Nam Hải Long Vương.

Bậc Quần tự thì có lễ tế ở Miếu Đô Thành Hoàng, đàn Sơn Xuyên, miếu thờ Quốc vương Chiêm Thành, miếu Nam Hải Long Vương, đền thờ thần cùng các lăng tẩm của vua Nguyễn như núi Khải Vận, núi Hưng Nghiệp, Thiên Thụ, Hiếu Sơn, Thuận Đạo... Các đền thờ Hỏa Thần, Hỏa Pháo, Mộc Thương; các đền thờ Quan Công, Tiên Y... Các miếu thờ Khai quốc công thần, Trung Hưng công thần, Trung tiết công thần, đền Hiền Lương, đền Trung Nghĩa...vv.

Do giá trị đặc biệt của di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể, việc nghiên cứu, bảo tồn và phục hồi quần thể di tích cung đình Huế và các lễ hội liên quan đã được Nhà nước ta quan tâm và đầu tư khá lớn. Từ năm 2000 đến nay, Huế đã tổ chức được 5 kỳ Festival quốc tế vào các năm chẵn (2000, 2002, 2004, 2006 và 2008). Trong các đợt tổ chức Festival này có hàng chục nước đã cử đoàn nghệ thuật tham gia với nhiều hình thức biểu diễn nghệ thuật phong phú. Đối với nước chủ nhà, các lễ hội cung đình luôn chiếm vị trí cực kỳ quan trọng và thu hút sự quan tâm

chú ý của rất nhiều du khách. Huế đã nghiên cứu và phục hồi khá thành công các lễ hội sau: Lễ tế Nam Giao, lễ tế Xã Tắc, lễ Truyền Lô và Vinh quy bái tổ, lễ hội thi Tiến sỹ Võ, Huyền Thoại Sông Hương, Đêm Hoàng Cung... trong đó, Lễ tế Nam Giao, lễ tế Xã Tắc đã được quyết định chọn làm lễ hội cung đình đặc trưng, đã và sẽ tổ chức trong tất cả các kỳ Festival Huế. Hai lễ hội này cũng đã được lập hồ sơ khoa học và dự kiến sẽ đệ trình UNESCO xin công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể Đại diện của nhân loại. Trong lộ trình tiếp theo, nhiều lễ hội cung đình khác sẽ tiếp tục được nghiên cứu và phục hồi để phát huy giá trị. Với những thành tựu đó, có thể khẳng định rằng, cố đô Huế là nơi còn bảo tồn được những di sản văn hóa cung đình phong phú, toàn vẹn nhất của Việt Nam. Huế cũng là địa phương đã và đang khai thác, phát huy một cách hiệu quả nhất những giá trị văn hóa ấy cho cuộc sống đương đại./.

D.T.H

Chú thích:

- 1- Là một trong 2 cửa của Đuan Môn, cửa chính của Hoàng Thành từ đầu thời Gia Long đến năm 1833. Từ năm 1833, vua Minh Mạng mới cho bỏ Đuan Môn, xây thành Ngọ Môn với quy chế 5 cửa ra vào.
- 2- Phan Khoang, Lễ Tiến xuân, Nghênh xuân dưới triều Nguyễn, *Tạp san Sử Địa*, số 5/1967, tr. 19.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần Lễ nghi chí và Dư địa chí, Bản dịch của Nguyễn Thọ Dực, Tủ sách cổ văn- Ủy ban dịch thuật, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1972.
- 2- Quốc sử quán triều Nguyễn (1978), *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
- 3- Quốc Sử quán triều Nguyễn. (1957- 1960), *Việt Sử thông giám cương mục*, Bản dịch của Viện Sử học, 20 tập. Nxb. Văn Sử Địa (tập 1- tập 15) và Nxb. Sử học (tập 16- tập 20).
- 4- Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, phần Bộ Lễ, quyển 69- 136, bản in khắc ván năm Khải Định thứ 2 (1917).
- 5- Phan Khoang (1967), Lễ Tiến xuân, Nghênh xuân dưới triều Nguyễn, *Tạp san Sử Địa*, số 5, tr 18- 19, 26.